

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 29-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hứa Văn Trung.

Ông Trần Đình Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau viết tắt là Ngân hàng). Địa chỉ: Số B - B, đường N, phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết H; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Đ - Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh L; địa chỉ: Số A, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn - là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26-12-2022); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X; nơi thường trú: Phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang; nơi tạm trú: Số A, khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31-10-2023 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05-11-2018, Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Thanh X có ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và

bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thẻ tín dụng cấp cho bà X có thể được dùng để rút tiền mặt tại cây ATM của Ngân hàng. Hạn mức được rút tối đa là 90% hạn mức thẻ được cấp tương đương với số tiền 45.000.000 đồng và được sử dụng để quét Thẻ tại máy POS có chấp nhận Thẻ tín dụng sẽ được dùng tối đa số tiền hạn mức được cấp là 50.000.000 đồng. Thời hạn được sử dụng thẻ từ tháng 11-2018 đến tháng 11-2021 và có thể đề nghị Ngân hàng tiếp tục gia hạn thời gian sử dụng thẻ tiếp 05 năm. Vì khoản vay thẻ tín dụng là món vay tín chấp nên không có tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, tính đến ngày chốt giao dịch đầu tiên là ngày 22-12-2018, bà X sử dụng thẻ để rút tiền tại ATM và máy POS với số tiền 4.520.500 đồng. Lãi suất được tính tại thời điểm cấp Thẻ tín dụng là 2,21%/tháng. Số tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Bà X phải chịu các khoản phí theo quy định.

Đến ngày 16-09-2021, bà X có giấy đề nghị Ngân hàng nâng hạn mức sử dụng Thẻ lên 250.000.000 đồng để sử dụng với mục đích tiêu dùng và phía Ngân hàng có thuận duyệt nâng hạn mức cấp thẻ tín dụng cho bà X từ 50.000.000 đồng lên hạn mức 250.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng Thẻ, từ ngày kích hoạt Thẻ, bà X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 121.612.501 đồng. Tổng cộng có 43 lần bà X thực hiện các giao dịch thanh toán cho Ngân hàng. Tuy nhiên, các giao dịch tiếp theo của bà X chỉ là thanh toán số tiền tối thiểu gốc và lãi mỗi tháng cho Ngân hàng mà chưa thực hiện thanh toán hết số tiền dư nợ gốc còn lại mà bà X đã sử dụng. Nên số dư nợ cuối kỳ của bà X giảm không đáng kể, số tiền tối thiểu gốc lãi khách hàng phải thanh toán hàng tháng được tính bằng 5% số tiền dư nợ gốc đến hạn. Đến tháng 11 năm 2021, bà X thường xuyên thanh toán trễ hạn thẻ nên không tiếp tục thực hiện gia hạn thêm thời hạn sử dụng Thẻ tín dụng được nữa.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà X vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Sau thời gian 03 (ba) tháng tính từ ngày 22-03-2022 đến ngày 22-06-2023, bà X không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng. Nên khoản vay của bà X đã được Ngân hàng phân loại nợ theo đúng quy định vào nhóm nợ xấu từ ngày 22-07-2023 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 31-10-2023 là 280.761.241 đồng. Trong đó nợ gốc là: 252.756.237 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.005.400 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 01-11-2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định bà X không có mặt tại địa chỉ số A, khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đó,

Toà án đã thực hiện thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định. Tuy nhiên, bà X vẫn không đến Toà án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo như thông báo, triệu tập của Toà án. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Do đó, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp theo quy định.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện buộc bà X phải thanh toán số tiền nợ gốc là 252.756.237 đồng và yêu cầu buộc bà X phải thanh toán số tiền nợ lãi tính đến ngày 29-01-2024 là 53.490.314 đồng. Bà X phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 306.246.551 đồng. Bà X phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 30-01-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho Ngân hàng. Ngân hàng chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 6.000.000 đồng. Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 306.246.551 đồng cho Ngân hàng, trong đó nợ gốc 252.756.237 đồng; lãi quá hạn 53.490.314 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh X có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 30-01-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho Ngân hàng. Về án phí: Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc ghi địa chỉ của người bị kiện: Hợp đồng tín dụng thể hiện địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thanh X tại số A, khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (theo Sổ tạm trú của bà X). Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Thanh X như địa chỉ ghi trong Hợp đồng tín dụng. Do đó, được coi là người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo quy định của điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân

dân tối cao - Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Việc người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong Hợp đồng tín dụng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới nên được coi là cố tình giấu địa chỉ.

[2]. Về việc vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã thực hiện triệu tập và thực hiện thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không đến Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo như thông báo, triệu tập của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền theo Hợp đồng tín dụng đã xác lập giữa các bên. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định của khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 486265-7872 được xác lập giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được coi là hợp pháp. Do đó, quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 486265-7872 được pháp luật thừa nhận.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Về tiền nợ gốc: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa thì có cơ sở xác định từ khi xác lập hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến ngày 29-01-2024, bà Nguyễn Thị Thanh X còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 252.756.237 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải thanh toán số tiền nợ gốc là 252.756.237 đồng.

[5.1] Về tiền nợ lãi quá hạn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa thì có cơ sở xác định từ khi xác lập hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến ngày 29-01-2024, bà Nguyễn Thị Thanh X còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ lãi quá hạn là 53.490.314 đồng. Số tiền nợ lãi quá hạn được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày, theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là 53.490.314 đồng.

[5.3] Về tổng số tiền bà Nguyễn Thị Thanh X phải thanh toán cho Ngân hàng: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Thanh X phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền

là 306.246.551 đồng. Bà X phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 30-01-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho Ngân hàng.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[7] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn có yêu cầu thông báo nên phải chịu lệ phí theo quy định của khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tổng số tiền lệ phí là 6.000.000 đồng. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền 6.000.000 đồng.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 180, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung).

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc thanh toán tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh X phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S các khoản tiền còn chưa thanh toán tính đến ngày 29 tháng 01 năm 2024 theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 486265-7872 ngày 05 tháng 11 năm 2018 (được gia hạn sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16 tháng 9 năm 2021) với tổng số tiền là 306.246.551 đồng (ba trăm linh sáu triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi một đồng), cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc: 252.756.237 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng).

Số tiền nợ lãi quá hạn: 53.490.314 đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn ba trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30 tháng 01 năm 2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ngân hàng thương mại cổ phần S được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.019.031 đồng (bảy triệu không trăm mười chín nghìn không trăm ba mươi một đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000757 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Bà Nguyễn Thị Thanh X phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.312.327 đồng (mười lăm triệu ba trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), nộp vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng thương mại cổ phần S phải chịu tổng số tiền lệ phí là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Xác nhận Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp đủ số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Văn Nghiệp